

Bản án số: 09/2020/HS-PT

Ngày 12-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn; Bà Nguyễn Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 90/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2019/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 13/11/1984 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958; có vợ: Lê Thị H2, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Lê Thị Thu H3, sinh ngày 05/4/2007

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Đều cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; *Đều có mặt tại phiên tòa.*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/02/2019, Lê Duy H4 và Trần Văn H đến lán ở tạm (anh C đang xây nhà) của nhà anh Lê Hồng C ở cùng thôn ngồi uống nước. Trong khi anh C đi đun nước pha chè, trong lán chỉ có H4 và H ngồi nói chuyện. Quá trình nói chuyện hai bên xảy ra cãi nhau về chuyện H cho rằng H4 vay tiền nhưng chưa trả, sau đó do uống rượu nên hai bên dẫn đến xô sát đánh nhau. H bị H4 dùng tay phải đâm hai đến ba nhát vào vùng mặt, H4 bị H dùng cốc thủy tinh đập 01 nhát trúng vào vùng đầu bên phải của H4. Trong lúc hai bên đang tiếp tục du đẩy đánh nhau thì con của H4 là cháu Lê Thị Thu H3, sinh năm 2007 và cháu Lê Thị H5, sinh năm 2010 chạy vào can ngăn. Cháu H3 đứng ở giữa theo hướng quay lưng lại phía H4, quay mặt về phía H, hai tay cháu H3 cầm vào vạt áo của H (ngang với vùng đùi của H) vừa cầm cháu H3 vừa nói “xin ông đừng đánh bố cháu nữa”. Thời điểm này H và H4 vẫn muốn tiếp tục lao vào đánh nhau. H dùng tay phải cầm cốc thủy tinh có kích thước cao 12,5cm, đường kính 6,5cm đập nhiều nhát về phía H4 nhưng không trúng. Quá trình đập cốc về phía H4, H đã đập trúng 01 nhát vào vùng đỉnh đầu cháu H3 làm đầu cháu H3 chảy máu, cháu H3 buông tay ngồi xuống đất. Sau đó H ném bỏ cốc thủy tinh xuống đất bỏ chạy ra ngoài. Thấy vậy H4 đuổi theo H, khi đến sân nhà bà Đỗ Thị D ở cạnh nhà anh Lê Hồng C thì H4 và H dùng tay, chân vật lộn đánh nhau. Trong khi đánh nhau, H dùng răng cắn vào môi dưới của H4 làm chảy máu. Sau đó, được mọi người can ngăn nên sự việc chấm dứt.

Hậu quả cháu Lê Thị Thu H3, Lê Duy H4 và Trần Văn H đều bị thương được mọi người đưa đi bệnh viện điều trị, cháu Lê Thị H5 không bị thương tích.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 42/2019/TgT ngày 15/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Trần Văn H là 09% (*Chín phần trăm*). Thương tích là do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 43/2019/TgT ngày 15/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Lê Duy H4 là 03% (*Ba phần trăm*). Thương tích là do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 44/2019/TgT ngày 15/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của cháu Lê Thị Thu H3 là 02% (*Hai phần trăm*). Thương tích là do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Khi bị xâm hại sức khỏe, cháu H3 11 tuổi 09 tháng 28 ngày.

Trên cơ sở kết luận điều tra, tại Cáo trạng số 77/CT- VKS ngày 15/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Trần Văn H về tội

“Cố ý gây thương tích” theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc cốc thủy tinh (cao 12,5 cm, đường kính 6,5 cm) đã thu giữ.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền là 12.180.000đ (*mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*), gồm các khoản: chi phí khâu vết thương = 150.000đ; viện phí = 500.000đ; vắc xin + bông gạc = 80.000đ; tiền công chăm sóc 10 ngày = 2.000.000đ; tiền xe cấp cứu = 1.000.000đ; tiền xe đi giám định = 1.000.000đ; tổn thất tinh thần = 5 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ = 7.450.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

*** Về tội danh:** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố Bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

*** Về hình phạt:** Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự, tuyên:

Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Lê Thị Thu H3 (do bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp) tổng số tiền là 9.400.000đ (*chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm đã tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định nhưng bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị.

Ngày 25/10/2019, bị cáo Trần Văn H kháng cáo nêu mức án 07 tháng tù và mức bồi thường 8.600.000 đồng mà án sơ thẩm đã tuyên là quá cao, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trong phiên tòa sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt và mức bồi thường cho bị cáo.

Bị hại và người đại diện bị hại, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại không nhất trí giảm hình phạt, giảm mức bồi thường giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Hành vi phạm tội của bị cáo bị cấp sơ thẩm quy kết phạm tội là có căn cứ, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không kêu oan, nên việc quy kết bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, đã xem xét, viện dẫn đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ. Đối với kháng cáo xin giảm mức bồi thường dân sự: bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản tổng cộng 9.400.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, không giảm hình phạt, giảm mức bồi thường, giữ nguyên án sơ thẩm đã tuyên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng tội, xin được giảm nhẹ với các lý do như đã nêu trong đơn kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ vụ án, lời khai và đơn kháng cáo của bị cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, ý kiến của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng;

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo của bị cáo không liên quan đến nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn H xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ mới, việc định tội danh và việc đánh giá các tình tiết của vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng là đầy đủ và bị cáo không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy bị cáo kháng cáo cho rằng mức án 07 tháng mà án sơ thẩm đã tuyên là cao nhưng không có chứng cứ xác đáng, xin được giảm nhẹ mức án nhưng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo nêu ra đều đã được cấp sơ thẩm áp dụng, không có tình tiết giảm nhẹ mới; việc áp dụng mức án 07 tháng tù đối với bị cáo là đúng pháp luật và tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H.

Về phần bồi thường dân sự, bị cáo kháng cáo mức bồi thường 8.600.000 đồng mà án sơ thẩm đã tuyên là quá cao nhưng không nêu ra các căn cứ để chứng minh, bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản tổng cộng là 9.400.000đ (*Chín triệu bốn trăm nghìn đồng*) là căn cứ vào các tài liệu có trong vụ án mà bị cáo đã chấp nhận tại phiên tòa sơ thẩm và các khoản khác theo mức quy định của pháp luật, nên không có căn cứ xét giảm cho bị cáo, cần giữ nguyên mức bồi thường dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, kháng nghị và đã phù hợp với quy định của pháp luật, nên giữ nguyên, có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đối với phần bản án bị kháng cáo:

2. Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 07(bảy) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Lê Thị Thu H3 (do bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp) tổng số tiền là 9.400.000đ (*chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì

hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/02/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND + VKSND huyện S;
- CQCSĐT Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh T.Quang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt